

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 399/2025/DS-ST

Ngày: 31/03/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử công khai vụ án thụ lý số 1948/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 1727/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Số B, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thạch T năm 1999;

(Văn bản ủy quyền số 6236/2024/GUQ-TGD ngày 27/8/2024) (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Ngô Phước H năm 1987

CMND số: 381 885 668, cấp ngày 09/4/2015

Địa chỉ: Số C, Đường số D, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2024 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Vũ Thị Thạch T1 tại bản tự khai và các biên bản làm việc khác có trong hồ sơ:

Ngày 02/10/2018, ông Ngô Phước H1 ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S(gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành

và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H2 hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể:

- Loại thẻ: V;
- Số thẻ: 472074 – 9808;
- Hạn mức: 15.000.000 đồng;
- Lãi suất áp dụng: 2.6 %/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H3 thực hiện các giao dịch với Tổng số tiền là 147.361.693đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H3 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 139.371.406đ (một trăm ba mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm lẻ sáu đồng), số tiền còn nợ lại ông H4 không trả cho ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H5 không có thiện chí trả nợ. Do ông H6 phạm nghĩa vụ thanh toán theo (Điều 02 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/05/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 472074 - 9808 ngày 02/10/2018 và yêu cầu ông H thanh toán các khoản nợ Tạm tính đến ngày 31/03/2025 tổng số tiền gốc và lãi của ông Ngô Phước Hậu C thanh toán là: 49.923.407đ (bốn mươi chín triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm lẻ bảy đồng).

Trong đó:

- Dư nợ gốc: 15.099.787 đồng
- Lãi quá hạn: 34.823.620 đồng.

Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông H còn phải chịu tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 01/4/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng vay. Án phí do ông H chịu.

* Bị đơn – Ông Ngô Phước H7 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa,

Đại diện của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng có bản trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trong đơn khởi kiện và không bổ sung chứng cứ nào khác, yêu cầu chấm dứt Hợp đồng sử dụng thẻ và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn, ông Ngô Phước H7 phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/03/2025 là: 49.923.407 đồng, Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 15.099.787 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 34.823.620 đồng. Yêu cầu thanh

toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/4/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi ông H hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay. Ông H phải chịu tiền án phí.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn quy định.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật. Ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/05/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/03/2025 là: 49.923.407 đồng, Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 15.099.787 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 34.823.620 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/4/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi ông H hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tại đơn khởi kiện nguyên đơn xác định địa chỉ của bị đơn ông Ngô Phước H7 tại Số C, Đường số D, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng với địa chỉ cư trú hiện tại ông H8 khai nhận trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:

Tại phiếu xác minh tình trạng cư trú số 1948/TATPTĐ ngày 07/11/2024 của Tòa án Thủ Đức gửi công an phường T2 được kết quả “Đương sự Ngô Phước H7, sinh năm 1987 hiện không cư trú tại Số C, Đường số D, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh”. Tuy vậy tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đề ngày 02/10/2018 ông Ngô Phước H7 tự khai nhận chỗ ở hiện tại số C, Đường số D, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Áp dụng Đa Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao có ghi “ *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú” trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 điều 40, điểm b khoản 2 điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung*”

Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan đến quá trình giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ bị đơn ông Ngô Phước H7 đến Tòa để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án. Phiên tòa được mở lần thứ 02 nhưng ông Ngô Phước H7 vẫn vắng mặt không có lý do. Việc bị đơn vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Ngô Phước H9

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Do xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 cầu ông Ngô Phước H10 trả số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 472074 - 9808 ngày 02/10/2018 số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/03/2025 là: 49.923.407 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi ông H11 tắt việc thanh toán xong khoản nợ. Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ đơn Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2018 ký giữa ông Ngô Phước H12 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Ngày 09/10/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S3 duyệt hạn mức cấp tín dụng cho ông Ngô Phước H13 sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức vay 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân

hàng, cụ thể lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng (lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn).

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông H3 thực hiện các giao dịch với Tổng số tiền là 147.361.693đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng). Ông H3 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 139.371.406đ (một trăm ba mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm lẻ sáu đồng),

T1 đến ngày 31/03/2025 ông H14 nợ tổng số tiền là: 49.923.407 đồng, Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 15.099.787 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 34.823.620 đồng.

Trong hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ gốc và lãi, thỏa thuận về lãi suất theo biểu lãi suất của ngân hàng, bị đơn không thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N xét yêu cầu trả tiền nợ gốc, tiền lãi suất của Ngân hàng là phù hợp thỏa thuận được quy định trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Trong khi đó, bị đơn ông H15 mặt không có lý do trong suốt quá trình tòa án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ đến khi xét xử, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Bị đơn không có ý kiến phản hồi về vụ án và tự từ bỏ quyền tranh tụng tại tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Từ những nhận định trên và căn cứ vào lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S4 ông Ngô Phước H7 phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/03/2025 của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 472074 - 9808 cấp ngày 02/10/2018 là 49.923.407đ (bốn mươi chín triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm lẻ bảy đồng) và Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H14 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng. Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S5 cầu một mình ông H thanh toán tiền nợ, không yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ đối với vợ ông H (nếu có). Yêu cầu này của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn ông Ngô Phước H7 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 13, 20, 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Chấm dứt Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ký ngày 02/10/2018 kèm theo Bản điều khoản và điều kiện cho vay giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Ngô Phước H9

Buộc ông Ngô Phước H7 phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/03/2025 là: 49.923.407 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm lẻ bảy) đồng, Trong đó:

- Nợ gốc: 15.099.787 đồng
- Lãi quá hạn: 34.823.620 đồng.

Việc trả tiền thực hiện trực tiếp, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, dưới sự chứng kiến của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 2.496.170đ (hai triệu, bốn trăm chín mươi sau nghìn, một trăm bảy mươi đồng), ông Ngô Phước H7 phải chịu.

Hilại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.029.211đ (một triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm mười một đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0044308 ngày 16/10/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Ngô Phước H7 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Đức;
- THA DS TP. Thủ Đức;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hòa